

Số: 1585/DHV-TCCB

Nghệ An, ngày 06 tháng 12 năm 2024

V/v xây dựng báo cáo
đánh giá, xếp loại chất lượng
Trường ĐH Vinh năm 2024

Kính gửi: Trường các đơn vị có liên quan.

Thực hiện Quyết định số 3086/QĐ-BGDĐT ngày 23/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2024 đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 7577/BGDĐT-TCCB ngày 27/11/2024 về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động năm 2024, để có cơ sở tổng hợp báo cáo đánh giá, xếp loại chất lượng của Trường Đại học Vinh năm 2024, Nhà trường yêu cầu các đơn vị có liên quan thực hiện đánh giá các tiêu chí thuộc các lĩnh vực hoạt động của đơn vị phụ trách, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung

- Thực hiện đánh giá, chấm điểm các tiêu chí được phân công; giải trình lý do chênh lệch với điểm chuẩn và có minh chứng kèm theo.
- Cung cấp số liệu cụ thể cho từng hoạt động, công việc của năm 2024.
- Đơn vị được phân công chủ trì đánh giá, chấm điểm chủ động liên hệ với các đơn vị có liên quan (nếu có) để hoàn thành báo cáo, cung cấp số liệu và tập hợp, số hoá minh chứng, hình ảnh, sản phẩm nộp về Trường đúng hạn.

2. Phân công đơn vị thực hiện đánh giá, chấm điểm và cung cấp số liệu, minh chứng theo các tiêu chí đánh giá (Theo Phụ lục II. Tiêu chí đánh giá, xếp loại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc bộ giáo dục và đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 3086/QĐ-BGDĐT 23/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo)

2.1. Tiêu chí I - Việc chấp hành các quy định của pháp luật:

- Chỉ số 1 - Chấp hành các quy định của pháp luật; xây dựng, củng cố và tăng cường đoàn kết nội bộ: Phòng Thanh tra – Pháp chế;
- Chỉ số 2 - Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý cơ sở giáo dục đại học thể hiện qua mức độ cập nhật dữ liệu trên hệ thống HEMIS: Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến;
- Chỉ số 2 - Tỷ lệ hoàn thành các báo cáo thường xuyên và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Phòng Hành chính tổng hợp.

2.2. Tiêu chí II - Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm:

- Chỉ số 1 – Tổ chức quản lý, quản trị, điều hành: Phòng Tổ chức Cán bộ (Mục 1.1 - Tổ chức bộ máy), Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế (Mục 1.2 - Chiến lược, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục đại học được ban hành, triển khai và giám sát hiệu quả qua bộ chỉ số hoạt động chính, bảo đảm hằng năm các chỉ số hoạt động chính được cải thiện);

- Chỉ số 2 - Phát triển đội ngũ giảng viên: Phòng Tổ chức Cán bộ;
 - Chỉ số 3 - Công tác tuyển sinh và đào tạo: Phòng Đào tạo (Mục 3.1 - Công tác tuyển sinh), Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên (Mục 3.2 - Tỷ lệ sinh viên năm thứ nhất thôi học), Trung tâm Đảm bảo chất lượng (Mục 3.3 - Kiểm định chất lượng giáo dục).

- Chỉ số 4 - Nghiên cứu khoa học: Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế.

- Chỉ số 5 - Tài chính: Phòng Kế hoạch - Tài chính.

2.3. Tiêu chí III - Đóng góp vào việc chung, tác động đến hệ thống giáo dục đại học:

- Chỉ số 1 - Sinh viên, học viên sau đại học hoặc nhà giáo, cán bộ quản lý đạt thành tích, giải thưởng trong nước hoặc quốc tế: Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên chủ trì, phối hợp với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường Đại học Vinh.

- Chỉ số 2 - Kết quả nổi bật trong việc hỗ trợ các hoạt động của ngành, của Bộ: Phòng Hành chính tổng hợp.

(Chi tiết các tiêu chí, mức chấm điểm và phân công nhiệm vụ có tại phụ lục kèm theo Công văn).

3. Tổ chức thực hiện

- Phòng Tổ chức Cán bộ chủ trì tham mưu, tổng hợp Báo cáo chấm điểm kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2024 của Trường Đại học Vinh để nộp cho Bộ Giáo dục và Đào tạo đúng hạn.

- Các đơn vị có tên trong mục 2. căn cứ nhiệm vụ được phân công, hoàn thành và nộp bản mềm biểu đánh giá, chấm điểm kèm các minh chứng về Trường qua phòng Tổ chức Cán bộ *(trực tiếp đồng chí Nguyễn Thị Thương - Chuyên viên, số điện thoại 0969.441990, email: phongtccb@vinhuni.edu.vn)* trước 17h00' ngày **12/12/2024**.

Nhận được Công văn này, Nhà trường yêu cầu các đơn vị khẩn trương triển khai, thực hiện đúng kế hoạch.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCTH, TCCB.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

Phụ lục II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRỰC THUỘC BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3086/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Điểm	Điểm tự chấm	Lý do chênh lệch với điểm chuẩn	Minh chứng	Đơn vị thẩm định/nguồn số liệu	Phân công nhiệm vụ
I	Việc chấp hành các quy định của pháp luật		16		16			
1	Chấp hành các quy định của pháp luật; xây dựng, củng cố và tăng cường đoàn kết nội bộ	Nội bộ đoàn kết; chấp hành, thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; quy định pháp luật trong công tác quản lý, điều hành	4				Thanh tra	Phòng TTr - PC
		Nội bộ đoàn kết; có nội dung còn chậm trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, triển khai các quy định pháp luật nhưng không gây ảnh hưởng nghiêm trọng	3					
		Để xảy ra trường hợp không ban hành các văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành nội bộ gây ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, đơn vị; để xảy ra tình trạng vi phạm; có trường hợp chỉ đạo điều hành sai quy định nhưng chưa đến mức phải áp dụng biện pháp xử lý	2					
		Để xảy ra trường hợp không ban hành các văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành nội bộ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của cơ quan, đơn vị; để xảy ra tình trạng vi phạm; có trường hợp chỉ đạo điều hành sai quy định đến mức phải áp dụng các biện pháp xử lý; mất đoàn kết nội bộ	1					
2	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý CSGDDH thể hiện qua mức độ cập nhật dữ liệu trên hệ thống HEMIS	Từ 80% trở lên	8				Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT, Cục CNTT (HEMIS)	Viện NC&ĐTTT
		Từ 60% đến dưới 80%	6					
		Từ 40% đến dưới 60%	4					
		Dưới 40%	2					
3	Tỉ lệ hoàn thành các báo cáo thường xuyên và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ 80% trở lên	4				Vụ GDĐH	Phòng HCTH
		Từ 60% đến dưới 80%	3					
		Từ 40% đến dưới 60%	2					
		Dưới 40%	1					

TT	Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Điểm	Điểm tự chấm	Lý do chênh lệch với điểm chuẩn	Minh chứng	Đơn vị thẩm định/nguồn số liệu	Phân công nhiệm vụ
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm		74		74			
1	Tổ chức quản lý, quản trị, điều hành		12		12			
1.1	Tổ chức bộ máy	Thực hiện đúng quy định, thời hạn việc kiện toàn tổ chức bộ máy và quy hoạch đầy đủ	6				Vụ TCCB	Phòng TCCB
		Thực hiện đúng quy định việc kiện toàn tổ chức bộ máy và quy hoạch	4,5					
		Chưa kiện toàn đầy đủ chủ tịch hội đồng trường/hội đồng đại học hoặc hiệu trưởng/giám đốc	3					
		Khuyết đồng thời 2 vị trí chủ tịch hội đồng trường/hội đồng đại học và hiệu trưởng/giám đốc quá 6 tháng, có vi phạm...	1					
1.2	Chiến lược, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục đại học được ban hành, triển khai và giám sát hiệu quả qua bộ chỉ số hoạt động chính, bảo đảm hàng năm các chỉ số hoạt động chính được cải thiện	Tỉ lệ chỉ số hoạt động chính được cải thiện từ 60% trở lên	6				Vụ GDDH- Thông tư số 01/2024/TT- BGDDT (HEMIS)	Phòng KH&HTQT
		Tỉ lệ chỉ số hoạt động chính được cải thiện từ 50% đến dưới 60%	4,5					
		Tỉ lệ chỉ số hoạt động chính được cải thiện từ 40% đến dưới 50%	3					
		Tỉ lệ chỉ số hoạt động chính được cải thiện dưới 40%	1					
2	Phát triển đội ngũ giảng viên		16		16			
2.1	Sự gia tăng tỉ lệ giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ hàng năm	Trên 1,5% hoặc đạt từ 70% trở lên	8				Thông tư số 01/2024/TT- BGDDT (HEMIS)	Phòng TCCB
		Từ 1,1% đến 1,5%	6					
		Từ 0,6% đến 1%	4					
		Từ 0,1% đến 0,5%	2					
2.2	Tỉ lệ giảng viên ra nước ngoài trao đổi	Từ 1% trở lên	4				Cục HTQT	Phòng TCCB
		Từ 0,5% đến dưới 1%	3					
		Từ 0,2% đến dưới 0,5%	2					
		Dưới 0,2%	1					

TT	Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Điểm	Điểm tự chấm	Lý do chênh lệch với điểm chuẩn	Minh chứng	Đơn vị thẩm định/nguồn số liệu	Phân công nhiệm vụ
2.3	Thời lượng (số giờ) cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng/tự bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ hằng năm	Trên 5 giờ	4				Cục NGCB	
		Từ 3 giờ đến 5 giờ	3					
		Từ 1 giờ đến dưới 3 giờ	2					
		Dưới 1 giờ	1					
3	Công tác tuyển sinh và đào tạo		22		22			
3.1	Công tác tuyển sinh	Tuyển sinh đúng quy định, theo kế hoạch, bảo đảm thực hiện chỉ tiêu và phương thức đã công bố trong đề án, phù hợp với quy chế của Bộ GDĐT và của cơ sở đào tạo; kiểm soát chặt chẽ rủi ro và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ và kịp thời theo quy định	8				Vụ GDĐH	Phòng Đào tạo
		Tuyển sinh đúng quy định, theo kế hoạch, bảo đảm thực hiện chỉ tiêu và phương thức đã công bố trong đề án, phù hợp với quy chế của Bộ GDĐT và của cơ sở đào tạo; kiểm soát chặt chẽ rủi ro và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh; chưa thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ và kịp thời theo quy định	6					
		Chưa thực hiện tuyển sinh đúng quy định, chưa bảo đảm thực hiện chỉ tiêu và phương thức đã công bố trong đề án, với quy chế của Bộ GDĐT; chưa thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ và kịp thời theo quy định	4					
		Chưa thực hiện tuyển sinh đúng quy định; còn sai sót trong quá trình tuyển sinh, báo chí phản ánh	0					
3.2	Tỉ lệ sinh viên năm thứ nhất thôi học	Dưới 5%	6				Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT (HEMIS)	Phòng CTCT-HSSV
		Từ 5% đến dưới 10%	4,5					
		Từ 10% đến 15%	3					
		Trên 15%	0					
3.3	Kiểm định chất lượng giáo dục		8					

TT	Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Điểm	Điểm tự chấm	Lý do chênh lệch với điểm chuẩn	Minh chứng	Đơn vị thẩm định/nguồn số liệu	Phân công nhiệm vụ
	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	Đã kiểm định cơ sở giáo dục	4				Cục QLCL	Trung tâm ĐBCL
		Đã thực hiện tự đánh giá	2					
		Chưa thực hiện kiểm định	0					
Kiểm định chương trình đào tạo	Đã kiểm định chương trình đào tạo từ 35% trở lên	4						
	Đã kiểm định chương trình đào tạo từ 25% - 35%	2						
	Đã kiểm định chương trình đào tạo dưới 25%	0						
4	Nghiên cứu khoa học		12		12		Vụ KHCNMT	Phòng KH&HTQT
4.1	Tỉ trọng thu từ khoa học, công nghệ trên tổng nguồn thu	Từ 10% trở lên	4				Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT (HEMIS)	
		Từ 5% đến dưới 10%	3					
		Từ 1% đến dưới 5%	2					
		Dưới 1%	1					
4.2	Số sản phẩm khoa học (bài báo, sách chuyên khảo, báo cáo hội nghị, tác phẩm nghệ thuật, bằng độc quyền sáng chế, bằng độc quyền giải pháp)	Từ 1 trở lên	4				Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT (HEMIS)	
		Từ 0,5 đến dưới 1	3					
		Từ 0,3 đến dưới 0,5	2					
		Dưới 0,3	1					
4.3	Số công bố WoS, Scopus trên giảng viên	Từ 1 trở lên	4				Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT (HEMIS)	
		Từ 0,5 đến dưới 1	3					
		Từ 0,3 đến dưới 0,5	2					
		Dưới 0,3	1					
5	Tài chính		12		12		Vụ KHTC	Phòng KH-TC
5.1	Công tác quản lý tài chính	Thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính, tài sản; thực hiện công khai tài chính, tài sản theo quy định	4				Vụ KHTC	
		Thực hiện chưa đúng các quy định về quản lý tài chính, tài sản hoặc công khai tài chính, tài sản theo quy định	2					
		Chưa thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính, tài sản, công khai tài chính, tài sản để xây ra sai sót	0					
5.2	Tỉ lệ giải ngân ngân sách nhà	Từ 80% trở lên	4				Vụ KHTC	

TT	Tiêu chí	Mức độ hoàn thành	Điểm	Điểm tự chấm	Lý do chênh lệch với điểm chuẩn	Minh chứng	Đơn vị thẩm định/nguồn số liệu	Phân công nhiệm vụ	
5.2	nước được cấp	Từ 60% đến dưới 80%	3						
		Từ 40% đến dưới 60%	2						
		Dưới 40%	1						
5.3	Việc thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán, thông báo duyệt quyết toán hàng năm	Thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các kiến nghị	4				Vụ KHTC		
		Thực hiện chưa đầy đủ các kiến nghị	2						
		Chưa thực hiện các kiến nghị	0						
III	Đóng góp vào việc chung, tác động đến hệ thống giáo dục đại học		10		10				
1	Sinh viên, học viên sau đại học hoặc nhà giáo, cán bộ quản lý đạt thành tích, giải thưởng trong nước hoặc quốc tế	Có nhiều sinh viên, học viên sau đại học hoặc nhà giáo, CBQL đạt thành tích, giải thưởng quốc tế, trong nước	6				Điểm thưởng. Vụ GDCTHSSV, Cục NGCB	Phòng CTCT-HSSV + Hội đồng Thi đua khen thưởng Trường ĐHV	
		Có sinh viên, học viên sau đại học hoặc nhà giáo, CBQL đạt thành tích, giải thưởng quốc tế, trong nước	4						
2	Kết quả nổi bật trong việc hỗ trợ các hoạt động của ngành, của Bộ	Thực hiện các hoạt động, đạt hiệu quả cao, được ghi nhận	4				Điểm thưởng. Các đơn vị	Phòng HCTH	
		Thực hiện các hoạt động, hoàn thành công việc	3						
		Thực hiện các hoạt động, hoàn thành công việc ở mức trung bình	2						
		Thực hiện các hoạt động, không hiệu quả	1						

TỔNG SỐ ĐIỂM CHUẨN 100 0 100

XẾP LOẠI ĐƠN VỊ	TỔNG ĐIỂM
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Từ 80 điểm trở lên
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Từ 60 điểm đến dưới 80 điểm
Hoàn thành nhiệm vụ	Từ 50 điểm đến dưới 60 điểm
Không hoàn thành nhiệm vụ	Dưới 50 điểm